TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/09/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Nam
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Tài Em
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:168/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXX- ST ngày 25 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74 ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Tuyết N, sinh ngày: 22/02/1994 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1987 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Mai Tuyết N trình bày: Chị và anh Đỗ văn T xây dựng hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, và ngày 21/03/ 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung và tài sản chung, nợ chung cũng không có. Nguyên nhân do vợ chồng chị sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm; thường xuyên cải vã nhau, hiện tại vợ chồng chị không còn chung sống với nhau đã sống ly thân 09 năm; trong thời gian ly thân vợ chồng chị cũng không tìm hiểu nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự sống riêng. Nay, chị thấy tình cảm giữa vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Riêng anh Đỗ Văn T không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời bản thân anh T cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị

N theo quy định của pháp luật. Mặc dù anh T đã được Toà án giao thông báo thụ lý, giải thích quyền và nghĩa vụ của anh khi nhận văn bản của Toà án. Nhưng sau khi nhận thông báo thụ lý anh T không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Ngoài ra, Toà án cũng đã giao thông báo về phiên hoà giải và đã được tống đạt hợp nhưng anh T không đến dự phiên hoà giải nên Toà án không tiến hành hòa giải được, Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết

** Ý kiến của kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Tuyết N đối với anh Đỗ Văn T; Về con chung, tài sản, chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét; Về án phí: Chị Mai Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Mai Tuyết N, địa chỉ huyện Đông Hải và anh Đỗ Văn T, địa chỉ huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa, chị Mai Tuyết N vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T được Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Tuyết N và anh Đỗ Văn T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trạch, huyện Đông Hải nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, quá trình giải quyết vụ án xét thấy giữa chị N và anh T do trong cuộc sống bất đồng quan điểm từ đó không còn tình cảm với nhau thể hiện qua việc vợ chồng chị N hiện đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị cũng không có biện pháp nào để hàn tình cảm vợ chồng nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, hôn nhân giữa vợ chồng chị N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Tuyết N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Mai Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Tuyết N đối với anh Đỗ Văn T, xử cho ly hôn giữa chị N và anh T.

2. Về án phí:Chị Mai Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003139 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nam